

Học kỳ 1 năm học 2024 [Sinh viên người nước ngoài]

THÔNG TIN TUYỂN SINH
HỆ ĐẠI HỌC & CHUYỂN TIẾP



PHÒNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MYONGJI

1. Giới thiệu trường Đại học Myongji



Trường Đại học Myongji được thành lập từ năm 1948 và đã đào tạo hơn 130 ngàn cử nhân tri thức, là một trong những trường đại học dân lập danh giá có cơ sở tại thủ đô Seoul và cả cơ sở tại thành phố Yongin. Với các chương trình quốc tế hóa đa dạng và thực tế, Đại học Myongji cung cấp một môi trường học tập phong phú giúp sinh viên có cơ hội cảm nhận được thế giới ngay tại Myongji và từ Myongji nhìn vươn ra thế giới. Bên cạnh đó, trường còn đang mở rộng cơ sở hạ tầng giáo dục nhằm nuôi dưỡng nhân tài mà thế giới mong muốn với trang thiết bị giáo dục hàng đầu, chương trình đào tạo và đội ngũ giáo sư có trình độ tốt nhất. Năm 2023, Đại học Myongji được chọn là trường đại học duy nhất có mức tăng trưởng chung trong khu vực đô thị trong “Dự án hỗ trợ đại học chuyên ngành bán dẫn” do Bộ Giáo dục và Viện Tiến bộ Công nghệ Hàn Quốc chủ trì, và dự kiến sẽ phát triển thành một trường đại học hàng đầu về chất bán dẫn trong tương lai.

Cơ sở Seoul

Được trang bị nền giáo dục theo tiêu chuẩn thế giới với môi trường giáo dục điện toán đồng nhất hàng đầu, trường có vị trí gần với các khu trung tâm du lịch và văn hóa đa dạng như Myongdong, Sinchon, Hongdae là các khu vực trung tâm của Seoul. Cơ sở Seoul có các khối ngành Nhân văn, khối ngành Khoa học xã hội, khối ngành Luật, khối ngành Kinh doanh và khối ngành Ứng dụng ICT.

Cơ sở Yongin

Chúng tôi tự hào đây là khuôn viên thân thiện với môi trường và đang có môi trường giáo dục định hướng nghiên cứu. Đặc biệt, cơ sở Yongin có vị trí gần với các khu trung tâm du lịch và văn hóa như Everland, làng dân tộc Hàn Quốc và Ủy ban nhân dân thành phố Yongin. Nằm cách Seoul 1 giờ đi lại bằng xe bus, trường cũng đang vận hành hệ thống xe bus trung chuyển giữa hai cơ sở gần trường công ty SK Hynix dự định sẽ được xây dựng trong thời gian tới. Cơ sở Yongin có các khối ngành Khoa học tự nhiên, khối ngành Kỹ thuật, khối ngành Nghệ thuật - Thể dục thể thao, khối ngành Kiến trúc và khối ngành Ứng dụng ICT.

2. Hệ thống quản lý sinh viên nước ngoài

[Nhóm hỗ trợ văn phòng giao lưu quốc tế cơ sở Seoul và nhóm hỗ trợ sinh viên quốc tế cơ sở Yongin](#)

Những nhân viên giáo vụ và thầy cô người nước ngoài có khả năng nói tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt đang hỗ trợ các công việc như xuất nhập cảnh, đăng ký môn học, khiếu nại sinh hoạt cho sinh viên quốc tế. Đội hỗ trợ giao lưu quốc tế và đội hỗ trợ sinh viên nước ngoài luôn luôn sẵn sàng và nhiệt tình để giúp sinh viên quốc tế thích nghi với cuộc sống học đường và cuộc sống sinh hoạt tại Hàn Quốc. Vì vậy, những sinh viên cần giúp đỡ có thể tìm đến bất cứ lúc nào.

[Oulami \(CLB sinh viên giao lưu quốc tế\): Hội sinh viên tình nguyện hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên nước ngoài](#)

Từ sau khi thành lập vào năm 2007 bởi các sinh viên Hàn Quốc ưu tú đang theo học tại trường Myongji, Câu Lạc Bộ ‘Oulami’ từ đó đã và đang giúp đỡ các bạn sinh viên nước ngoài dễ dàng thích nghi hơn với cuộc sống tại Hàn Quốc, giúp sinh viên được trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc cũng như tham gia các hoạt động khác của trường.

[Global Buddy: Hội sinh viên tình nguyện hỗ trợ việc học cho sinh viên nước ngoài](#)

Global Buddy - hội sinh viên tình nguyện hỗ trợ việc học tập tới các bạn sinh viên nước ngoài, hỗ trợ các vấn đề trong học tập của sinh viên như tư vấn về điều kiện và tín chỉ tốt nghiệp, làm bài tập và hỗ trợ về việc thực hiện các đề án của nhóm.

[Hội du học sinh người nước ngoài](#)

Để nâng cao sự gắn kết cho sinh viên nước ngoài, trường đại học Myongji đang hỗ trợ phát triển Hội du học sinh Trung Quốc, Hội du học sinh Việt Nam và Hội du học sinh quốc tế (đa quốc gia) hoạt động một cách suôn sẻ và tích cực hỗ trợ các hoạt động của hội du học sinh.

[HELLO MYONGJI \(Bản tin dành cho sinh viên quốc tế\)](#)

Hello! MYONGJI là một bản tin mới mẻ lấy sinh viên quốc tế làm chủ đề chính, chia sẻ về những tin tức hoặc kinh nghiệm về cuộc sống sinh hoạt của sinh viên tại trường đại học Myongji. Hello! MYONGJI cung cấp các bài báo bằng bốn ngôn ngữ: tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Việt. Tin tức được phát hành hai tháng một lần và mỗi học kỳ đều đang tuyển thành viên nhóm phóng viên sinh viên nước ngoài Hello! MYONGJI.

[Thực hiện tư vấn giáo sư chuyên trách hướng dẫn học tập và giáo sư chuyên môn có khả năng ngoại ngữ cho sinh viên nước ngoài](#)

Trường đang chỉ định giáo sư chuyên trách để thực hiện hướng dẫn học tập cho sinh viên quốc tế theo từng khoa. Bất cứ khi nào sinh viên gặp khó khăn trong cuộc sống học đường, các bạn sinh viên có thể đến gặp giáo sư được chỉ định trong khoa của mình để tư vấn và nhận được sự giúp đỡ về chuyên ngành. Ngoài ra, trường cũng đang tiến hành tư vấn chuyên sâu bằng cách thông qua tư vấn của giáo sư chuyên môn có khả năng ngoại ngữ (tiếng Trung, tiếng Việt).



3. Đơn vị tuyển sinh

Khoa tuyển sinh

Cơ sở	Đơn vị tuyển sinh	Khoa, chuyên ngành	Nhập học mới	Chuyển tiếp	Ghi chú
Cơ sở Seoul	Khối ngành Nhân văn	Khoa Văn học ngôn ngữ Hàn	O	O	
		Khoa Văn học ngôn ngữ Trung	O	O	
		Khoa Văn học ngôn ngữ Nhật	O	O	
		Khoa Văn học ngôn ngữ Anh	O	O	
		Khoa Nghiên cứu khu vực Á Rập	O	O	
		Khoa Tiếng Hàn toàn cầu	O	O	Chỉ sinh viên quốc tế
		Khoa Lịch sử	O	O	
		Khoa Thông tin thư viện	O	O	
		Khoa Lịch sử mỹ thuật	O	O	
		Khoa Triết học	O	O	
		Khoa Văn hóa châu Á toàn cầu	O	X	Chỉ sinh viên quốc tế
		Khoa Sáng tác nghệ thuật	O	O	
		Khối ngành Khoa học xã hội	Khoa Hành chính học	O	O
	Khoa Kinh tế		O	O	
	Khoa Chính trị ngoại giao		O	O	
	Khoa Truyền thông đa phương tiện *		O	O	
	Khoa Giáo dục mầm non		O	O	
	Khoa Giáo dục thanh thiếu niên		O	O	
	Khối ngành Kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh *	O	O	
		Khoa Thương mại quốc tế *	O	O	
		Khoa Thông tin quản trị kinh doanh *	O	O	
	Khối ngành Luật	Khoa Luật	O	O	
	Khối ngành Công nghệ thông tin tổng hợp ICT	Khoa Kỹ thuật phần mềm tổng hợp (Phần mềm ứng dụng, Công nghệ dữ liệu)	O	O	

※ Những khoa có đánh dấu * kê bên là những khoa giới hạn về chỉ tiêu tuyển sinh cho mỗi học kỳ : Khoa truyền thông đa phương tiện 12 người, Khoa quản trị kinh doanh 38 người, Khoa thương mại quốc tế 21 người, Khoa thông tin quản trị kinh doanh 11 người, Khoa kỹ thuật điện tử 26 người, Khoa kỹ thuật máy tính 26 người.

[Thí sinh của khoa biểu thị * : ứng tuyển vào khoa có biểu thị * làm nguyện vọng 1, và phải ứng tuyển vào các khoa khác (ngoại trừ khoa biểu thị *) cho nguyện vọng 2. Tùy thuộc vào điểm phỏng vấn có thể được phân bổ vào nguyện vọng 1 hoặc nguyện vọng 2.

※ Chuyên ngành kinh doanh toàn cầu, hầu hết các lớp học chuyên ngành được tiến hành bằng tiếng Trung.

※ Khoa Tiếng Hàn toàn cầu và Khoa Văn hóa châu Á toàn cầu chỉ dành cho sinh viên nước ngoài.

Cơ sở	Đơn vị tuyển sinh	Khoa, chuyên ngành	Nhập học mới	Chuyển tiếp	Ghi chú
Cơ sở Yongin	Khối ngành Tự nhiên	Khoa Toán học	O	O	
		Khoa Vật lí	O	O	
		Khoa Hóa học	O	O	
		Khoa Dinh dưỡng thực phẩm	O	O	
		Khoa Thông tin công nghệ sinh học	O	O	
	Khối ngành Kỹ thuật	Khoa Kỹ thuật điện cơ	O	O	
		Khoa Kỹ thuật điện tử *	O	O	
		Khoa Kỹ thuật hóa học	O	O	
		Khoa Quản lý công nghiệp	O	O	
		Khoa Vật liệu tiên tiến	O	O	
		Khoa Kỹ thuật năng lượng & môi trường	O	O	
		Khoa Công nghệ thông tin *	O	O	
		Khoa Kỹ thuật môi trường và xây dựng cơ bản	O	O	
		Khoa Kỹ thuật giao thông	O	O	
		Khoa Kỹ thuật cơ khí	O	O	
		Khoa Công nghệ chất bán dẫn	O	X	
	Khối ngành Công nghệ thông tin tổng hợp ICT	Khoa Kỹ thuật thông tin và truyền thông	O	O	
	Khối ngành Nghệ thuật - TDTT	Chuyên ngành Thiết kế thị giác	O	O	
		Chuyên ngành Thiết kế công nghiệp	O	O	
		Chuyên ngành Thiết kế video	O	O	
		Chuyên ngành Thiết kế thời trang	O	O	
		Chuyên ngành Thể dục/ ngành Công nghiệp thể thao	O	O	
		Khoa Cờ vây	O	O	
		Chuyên ngành Piano	O	O	
		Chuyên ngành Thanh nhạc	O	O	
		Chuyên ngành sáng tác Mỹ thuật và Đa phương tiện	O	O	tên khoa chuyển tiếp: Khoa Sáng tác
		Chuyên ngành Điện ảnh	O	O	
		Chuyên ngành Nhạc kịch	O	O	
	Khối ngành Kiến trúc (Hệ 5 năm)	Chuyên ngành Kiến trúc	O	O	
		Chuyên ngành Kiến trúc truyền thống	O	O	
		Chuyên ngành Thiết kế nội thất	O	O	
	Khoa Quốc tế	Chuyên ngành Kinh doanh thương mại toàn cầu	O	O	Chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Trung

4. Điều kiện xét tuyển

■ Điều kiện về quốc tịch

Điều kiện xét tuyển	
Tiêu chuẩn quốc tịch	Bố mẹ và bản thân đều có quốc tịch nước ngoài (tuy nhiên, chấp nhận trường hợp bản thân thí sinh và bố mẹ đã thay đổi quốc tịch sang quốc tịch nước ngoài trước khi thí sinh bắt đầu nhập học trường THPT Hàn Quốc)

■ Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Điều kiện xét tuyển	
Năng lực ngoại ngữ	<p>Đáp ứng 1 trong 3 điều kiện dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ① Có TOPIK 3 trở lên ② Đã hoàn thành lớp cấp 3 trở lên tại các trung tâm tiếng Hàn thuộc các trường Đại học ở Hàn Quốc. ③ Vượt qua kì thi tiếng Hàn do Trường Đại học Myongji tổ chức.

■ Điều kiện về học lực

Điều kiện xét tuyển	
Nhập học từ năm nhất	Đã tốt nghiệp THPT hoặc chuẩn bị tốt nghiệp THPT ở trong và ngoài nước.
Hệ chuyển tiếp (năm 2)	<p>Đáp ứng 1 trong 2 điều kiện dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ① Đã hoàn thành năm nhất (2 học kì) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ yêu cầu <p>*Lưu ý: Trước khi đăng ký nhập học, thí sinh buộc phải xác nhận với phía nhà trường trước đó xem đã tích lũy đủ số tín chỉ và đủ điều kiện để được chứng nhận hoàn thành năm học hay chưa, sau đó mới được đăng ký nhập học.</p> <ul style="list-style-type: none"> ② Đã tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tốt nghiệp tại các trường cao đẳng ở trong và ngoài nước
Hệ chuyển tiếp (năm 3)	<p>Đáp ứng 1 trong 2 điều kiện dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ① Đã hoàn thành năm hai (4 học kì) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ yêu cầu. <p>*Lưu ý: Trước khi đăng ký nhập học, thí sinh buộc phải xác nhận với phía nhà trường trước đó xem đã tích lũy đủ số tín chỉ và đủ điều kiện để được chứng nhận hoàn thành năm học hay chưa, sau đó mới được đăng ký nhập học.</p> <ul style="list-style-type: none"> ② Đã tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tốt nghiệp tại các trường cao đẳng ở trong và ngoài nước
Hệ chuyển tiếp (năm 4)	Hệ chuyển tiếp năm 4 chỉ áp dụng cho các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học liên kết.

5. Thủ tục nhập học và Cách thức nộp hồ sơ

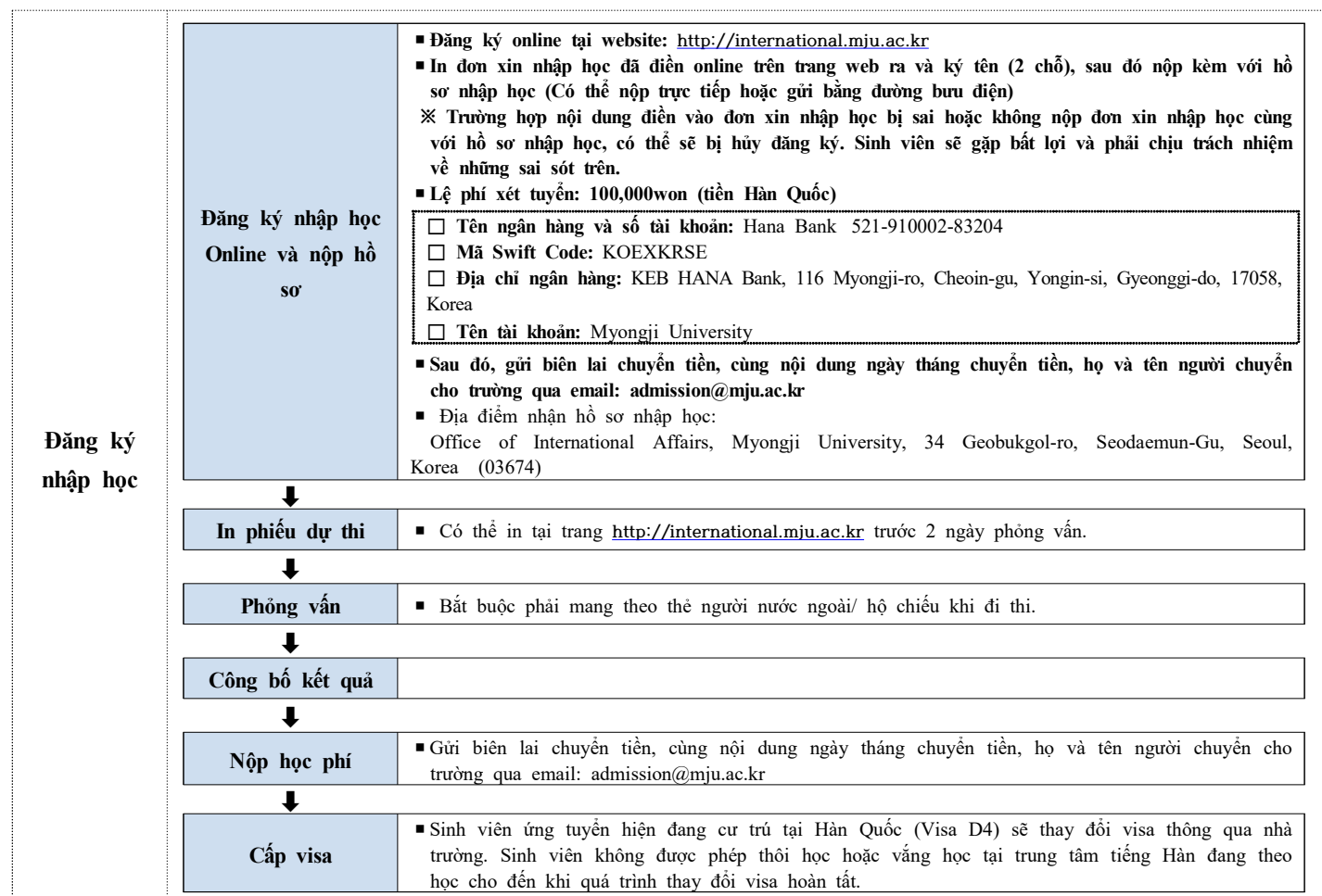
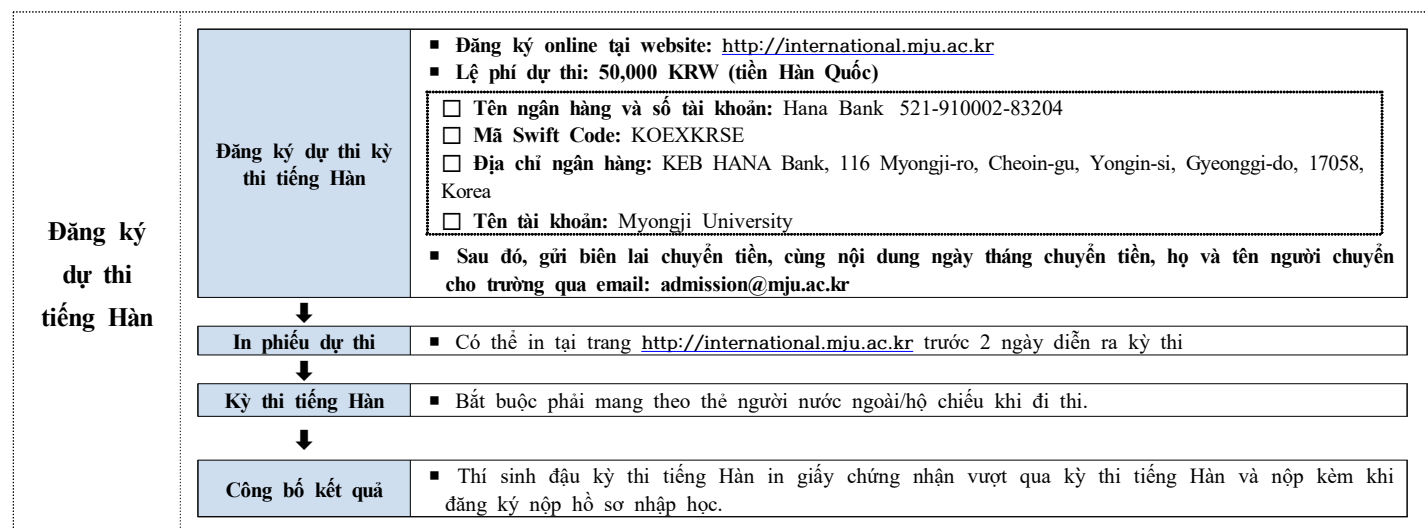
■ Sinh viên ứng tuyển phải có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn TOPIK cấp 3 trở lên hoặc đã hoàn thành lớp cấp 3 tại các trung tâm tiếng Hàn trực thuộc các trường Đại học tại Hàn Quốc.

Đăng kí Online và nộp hồ sơ -> Phòng vấn -> Công bố danh sách trúng tuyển -> Nộp học phí -> Đăng ký Visa -> Nhập học

■ Sinh viên không có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn như trên:

Bước 1: Đăng ký thi tiếng Hàn do Trường Đại học Myongji tổ chức -> Dự thi kỳ thi tiếng Hàn do Trường Đại học Myongji tổ chức -> Công bố kết quả (Cấp giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn)

Bước 2: Đăng kí và nộp hồ sơ -> Phòng vấn -> Công bố danh sách trúng tuyển -> Nộp học phí -> Đăng ký Visa -> Nhập học



6. Hồ sơ cần nộp

Hồ sơ cần nộp cho sinh viên nhập học từ năm nhất và sinh viên chuyển tiếp

- Thí sinh đăng ký ở trong nước: Có thể người nước ngoài tại Hàn Quốc còn hạn và sau này sẽ đổi visa tại Hàn Quốc.

- Thí sinh đăng ký ở ngoài Hàn Quốc: ① Đang cư trú tại nước ngoài, ② Người mà hiện tại đang ở Hàn Quốc nhưng sau khi đỗ vào trường sẽ quay trở lại nước để xin visa mới (Do visa hết hạn hoặc xuất cảnh vì lý do cá nhân).

◆Tất cả tài liệu phải được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Hàn (Bản dịch công chứng)

STT	Hồ sơ cần nộp	Đăng nhập mới	Hệ chuyển tiếp
0	Biên lai chuyển tiền lệ phí xét tuyển [Phí xét tuyển: 100,000won] <input type="checkbox"/> Bank name and account number: Hana Bank 521-910002-83204 <input type="checkbox"/> Swift Code: KOEXKRSE <input type="checkbox"/> Address: KEB HANA Bank, 116 Myongji-ro, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, 17058, Korea <input type="checkbox"/> Remittee: Myongji University	o	o
1	Đơn xin nhập học (In đơn xin nhập học đã điền online tại trang web http://international.mju.ac.kr , sau đó ký tên vào 4 chỗ)	o	o
2	Bản sao hộ chiếu (của bản thân)	o	o
3	Bản sao mặt trước và mặt sau thẻ người nước ngoài (của bản thân)	o	o
		※Chỉ áp dụng cho thí sinh đăng ký tại Hàn Quốc	
4	Bản sao chứng minh nhân dân/thẻ căn cước hoặc hộ chiếu (của bản thân, của bố và mẹ)	o	o
		※ Có thể nộp bằng tiếng Trung	
5	Bản dịch công chứng giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu ※ Sinh viên quốc tịch Trung Quốc nộp bản sao sổ hộ khẩu. ※ Trường hợp sinh viên và bố mẹ không cùng nằm trên một hộ khẩu thì phải nộp thêm giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình.	o	o
		※ Có thể nộp bằng tiếng Trung	
6	Nộp giấy xác nhận điểm chuyên cần của tất cả các kỳ học tiếng tại Hàn Quốc. (Điểm chuyên cần trung bình cộng lại và chia ra giữa các kì phải trên 80%. Phải nộp bằng điểm chuyên cần của tất cả các kì)	o	o
		※Chỉ áp dụng cho thí sinh đăng ký tại Hàn Quốc	
7	Bản gốc chứng chỉ kỳ thi năng lực tiếng Hàn hoặc các giấy tờ chứng minh liên quan (Chọn 1) ①Bản gốc chứng chỉ TOPIK cấp 3 trở lên ②Bản gốc giấy chứng nhận hoàn thành lớp cấp 3 tại các cơ quan đào tạo tiếng Hàn trực thuộc các trường đại học tại Hàn Quốc. ③Giấy chứng nhận năng lực tiếng Hàn (sinh viên đã vượt qua kỳ thi tiếng Hàn do trường đại học Myongji tổ chức)	o	o
8	Bản sao bằng tốt nghiệp THPT Giấy xác nhận học lực tốt nghiệp THPT ※ Nhập học mới: Nộp bản gốc giấy xác nhận học lực (Thí sinh tốt nghiệp THPT tại Hàn Quốc thì không cần nộp) ※ Hệ chuyển tiếp: Sinh viên đã tốt nghiệp/ đã hoàn thành chương trình đào tạo tại các trường tại Hàn Quốc (Sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học ở nước ngoài thì không cần nộp giấy chứng nhận học lực THPT)	o	△
9	Bản sao học bạ THPT	o	x
		※ Có thể nộp bằng tiếng Trung	
10	Bản gốc bằng tốt nghiệp đại học/cao đẳng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành năm học ※Trong trường hợp giấy chứng minh học vị không thể xin cấp lại thì nộp bản sao (Sau khi nộp sẽ không được trả lại) Bản gốc Giấy chứng nhận học lực tốt nghiệp cao đẳng/đại học hoặc hoàn thành khóa học ※ Hệ chuyển tiếp: Sinh viên đã tốt nghiệp/ đã hoàn thành chương trình đào tạo tại các trường tại Hàn Quốc phải Hợp pháp hóa lãnh sự 1)Bằng tốt nghiệp THPT 2)Cao đẳng/đại học	x	o
11	Bản gốc bằng điểm đại học/cao đẳng [Bản dịch công chứng có Hợp pháp hóa lãnh sự]	x	o
12	Thí sinh ứng tuyển khoa (chuyên ngành) Sáng tác văn học nghệ thuật hoặc trường thể dục nghệ thuật (ngoại trừ khoa điện ảnh): Bắt buộc phải nộp Portfolio là các hồ sơ thể hiện năng lực như tác phẩm, giải thưởng,...Trường hợp không nộp sẽ không thể ứng tuyển.	o	o

Tài liệu chứng minh tài chính : Sau khi nộp học phí phải nộp trước lúc đăng ký và đổi visa

Giấy tờ cần nộp

Thí sinh nộp hồ sơ tại Hàn Quốc (Có thể người nước ngoài)	Học sinh hệ tiếng của trường(Visa D4/ D2): Nộp Giấy xác nhận số dư ngân hàng Hàn Quốc(은행잔고증명서) 10,000,000KRW Học sinh trường khác(Visa D4/ D2): Nộp Giấy xác nhận số dư ngân hàng Hàn Quốc(은행잔고증명서) 20,000,000KRW - Nộp bản gốc được cấp phát trong vòng 30 ngày. ※ Phải duy trì số dư tài khoản cho đến ngày hoàn thành đổi visa.
Thí sinh nộp hồ sơ từ nước ngoài	Bản gốc Giấy xác nhận số dư 20,000 USD. (Đứng tên của bản thân hoặc bố mẹ) - Nộp bản gốc được cấp phát trong vòng 30 ngày - [Trung Quốc] Tính từ ngày đăng ký visa thời hạn sổ đóng băng phải còn trên 3 tháng. - [Việt Nam] Tính từ ngày đăng ký visa thời hạn sổ đóng băng phải còn trên 6 tháng. - [Uzbekistan] Phải nộp giấy xác nhận số dư tại ngân hàng Hàn Quốc có ở nước sở tại. Tính từ ngày đăng ký visa thời hạn sổ đóng băng phải còn trên 6 tháng. ※ Trong trường hợp trường đổi thành trường thường thì yêu cầu về chứng minh tài chính có thể bị thay đổi.

Hồ sơ xác thực học lực

- Sinh viên đến từ các quốc gia đã gia nhập Apostille: Nộp hồ sơ chứng minh học lực đã đóng dấu xác thực Apostille.
 ※ Mọi thắc mắc liên quan đến việc xác thực Apostille và hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ vui lòng liên hệ:
 Bộ phận thương mại ngoại giao ĐT: 02-2100-7600 hoặc 02-3210-0404
- Sinh viên đến từ các quốc gia chưa gia nhập Apostille (như Việt Nam...): Nộp hồ sơ chứng minh học lực đã đóng dấu hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán/ Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại quốc gia của mình.
- Sinh viên Trung Quốc
 - Chứng nhận học lực cấp ba
 - Trường THPT thường: Nộp bản hợp pháp hóa có chứng nhận được cấp bởi Trung tâm Chứng nhận Bằng cấp Học thuật do Bộ Giáo dục Trung Quốc điều hành (<http://www.chsi.com.cn>)
 - Trường Trung cấp nghề

Phân loại	Tiêu chuẩn thẩm định	Ghi chú
Trường trung học cơ sở thường (普通中专) Regular Specialized Secondary Schools	①Phát hành Online i) Chứng chỉ tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp: Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc * Chỉ được công nhận khi có thể xác thực thông qua Online	chọn 1
Trường dạy nghề(职业高中) Vocational High Schools	②Phát hành Offline (Cần phải có xác nhận thông tin của trường) i) Chứng chỉ tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp: Cần có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc ii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do trường tự cấp: Cần có xác nhận của văn phòng giáo dục giới tính (văn phòng giáo dục thành phố) + xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	
Trường kỹ thuật công nghệ(技工学校) Skilled Workers Schools	Yêu cầu Online trên trang web chính thức của Bộ Nguồn nhân lực và An sinh xã hội (http://www.mohrss.gov.cn/) + Xác nhận của Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc * Chỉ được công nhận khi có thể xác thực thông qua Online	

- Chứng nhận học lực THPT: Báo cáo chứng nhận được cấp bởi trung tâm chứng nhận văn bằng học thuật do Bộ Giáo dục Trung Quốc điều hành (<http://www.chsi.com.cn>)

7. Thời gian tuyển sinh

Thi tiếng Hàn đầu vào của trường

- Thí sinh cư trú tại Hàn Quốc tính đến ngày kiểm tra tiếng Hàn: Tham gia kiểm tra offline tại Cơ sở Seoul Đại học Myongji
- Thí sinh cư trú tại nước ngoài: Tham gia bài kiểm tra Online (chỉ áp dụng nếu đáp ứng điều kiện 1), 2), 3) bên dưới)
 - 1) Thí sinh phải có khả năng tham gia cả 2 buổi hướng dẫn Orientation (OT) và buổi thi online.
 - 2) Phải chuẩn bị cả ba điều kiện sau ① Điện thoại di động có Camera ② Máy tính xách tay hoặc máy tính có Camera ③ Giá đỡ điện thoại di động.
 - 3) Thí sinh phải truy cập Internet không dây và có thể làm bài kiểm tra tại nơi chỉ có một mình.

Phân loại	Đợt 1	Đợt 2	Ghi chú
Thời gian đăng ký	2023.10.02.(thứ hai) ~ 2023.10.10.(thứ ba) -Đăng ký online	2023.11.20.(thứ hai) ~ 2023.11.24.(thứ sáu) -Đăng ký online	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đăng kí tuyển sinh tại trang web http://international.mju.ac.kr ▪ Phí tuyển sinh: 50,000 KRW (tiền Hàn) ▪ Ngày chuyển khoản, tên người chuyển khoản, hóa đơn chuyển khoản gửi về email: admission@mju.ac.kr
Ngày thi tiếng Hàn	2023.10.22.(chủ nhật) 10:00 (giờ Hàn Quốc) [Buổi hướng dẫn OT 10.21.(thứ bảy) 10:00]	2023.12.03.(chủ nhật) 10:00 (giờ Hàn Quốc) [Buổi hướng dẫn OT 12.02.(thứ bảy) 10:00]	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phiếu dự thi: có thể in ra trước 2 ngày thi tại http://international.mju.ac.kr ▪ Khi đi thi phải mang theo thẻ người nước ngoài
Ngày thông báo kết quả	2023.10.27.(thứ sáu) 15:00 -Xem kết quả online	2023.12.08.(thứ sáu) 15:00 -Xem kết quả online	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thí sinh đã thông qua bài thi tiếng Hàn của trường in giấy chứng nhận tại trang web: http://international.mju.ac.kr và nộp cùng với hồ sơ ứng tuyển cho trường.

■ Đăng kí nhập học

Phân loại	Đợt 1	Đợt 2	Nội dung chính
Tiếp nhận hồ sơ	2023.10.23.(thứ hai) ~ 2023.11.01.(thứ tư) (ngoại trừ ngày nghỉ lễ) thời gian: 09:00~12:00/ 13:00~17:00	2023.12.01.(thứ sáu) ~ 2023.12.07.(thứ năm) (ngoại trừ ngày nghỉ lễ) thời gian: 09:00~12:00/ 13:00~17:00	※ Phương thức nộp: Thông qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp. <Địa chỉ bưu điện> 서울 서대문구 거북골로 34 명지대학교 국제교류지원팀 Office of International Affairs Myongji University, 34 Geobukgol-ro, Seodaemun-Gu, Seoul, Korea (03674)
Phòng vấn	2023.11.11.(thứ bảy)	2023.12.16.(thứ bảy)	■ Giấy báo thi: Có thể in trước hai ngày thi tại trang chủ http://internationa.mju.ac.kr ■ Vào ngày thi bắt buộc phải xuất trình thẻ người nước ngoài
Công bố danh sách trúng tuyển	2023.11.23.(thứ năm) 15:00	2023.12.28.(thứ năm) 15:00	■ Trường sẽ công bố danh sách trúng tuyển và thông báo đóng học phí tại trang web http://internationa.mju.ac.kr
Nộp học phí	2023.11.23.(thứ năm)~ 2023.11.30.(thứ năm)	2023.12.28.(thứ năm)~ 2024.01.04.(thứ năm)	
Visa	Tại Hàn Quốc (Thay đổi visa)	2024.01.12.(thứ sáu) lich dự kiến	
	Tại nước ngoài (Gửi Giấy báo nhập học)	gửi đi từ 2023.12.11. (thứ hai) lich dự kiến	gửi đi từ 2024.01.10. (thứ ba) lich dự kiến
Khai giảng	2024.03.04.(thứ hai)		

※ Đối với các thí sinh cư trú tại Hàn Quốc: Phòng vấn trực tiếp (Thí sinh cư trú tại nước ngoài: Phòng vấn Online).

※ Lịch trình trên có thể thay đổi theo nhà trường.

8. Học phí ※ Dưới đây là tiêu chuẩn năm 2023, năm 2024 học phí và phí kí túc xá có thể tăng trên dưới 5%

■ Hướng dẫn mức học phí theo khối ngành

[Đơn vị : KRW(won)]

Khoa (Ngành)	Học phí kì đầu	Học phí các kì sau	Khoa (chuyên ngành)
Khối ngành Nhân văn	3,898,000	3,722,000	Khoa Văn học ngôn ngữ Hàn, Khoa Văn học ngôn ngữ Trung, Khoa Văn học ngôn ngữ Nhật, Khoa Văn học ngôn ngữ Anh, Khoa Ả Rập học, Khoa Tiếng Hàn toàn cầu, Khoa Lịch sử, Khoa Thông tin thư viện, Khoa Lịch sử mỹ thuật học, Khoa Triết học, Khoa Văn hóa châu Á toàn cầu, Khoa Sáng tác văn học nghệ thuật.
Khối ngành Khoa học xã hội			Khoa Hành chính, Khoa Kinh tế, Khoa Chính trị ngoại giao, Khoa Truyền thông, Khoa Mầm non, Khoa Giáo dục thanh thiếu niên
Khối ngành Luật			Khoa Luật
Khối ngành Kinh doanh	3,929,000	3,753,000	Khoa Kinh doanh, Khoa Thương mại quốc tế, Khoa Thông tin kinh doanh
Khối ngành Ứng dụng ICT	5,188,000	5,012,000	Phần mềm ứng dụng, Kỹ thuật dữ liệu, Thông tin viễn thông
Khối ngành Khoa học tự nhiên	4,718,000	4,542,000	Khoa Toán, Khoa Vật lý, Khoa Hóa, Khoa Dinh dưỡng thực phẩm, Khoa Thông tin khoa học đời sống
Khối ngành Kỹ thuật công nghệ	5,188,000	5,012,000	Khoa Điện tử (Điện, Điện tử), Công nghệ môi trường, Công nghệ máy tính, Giao thông công trình (Công nghệ môi trường công trình, Công nghệ giao thông), Công nghệ môi trường nguyên liệu mới (Công nghệ hóa học, Công nghệ nguyên liệu mới), Công nghệ kinh doanh công nghiệp máy móc (Công nghệ máy móc, Công nghệ kinh doanh công nghiệp), Công nghệ ứng dụng, Khoa khoa học công nghệ chất bán dẫn
Khối ngành Quốc tế	3,929,000	3,753,000	Chuyên ngành Quản lý thương mại toàn cầu
Khối ngành Nghệ thuật - TĐTT	5,384,000	5,208,000	Khoa Thiết kế (hình ảnh, đồ họa, công nghiệp, thiết kế thời trang)
	5,160,000	4,984,000	Khoa Thể thao (thể dục, thể thao), Khoa Cờ vây
	5,463,000	5,287,000	Khoa Nghệ thuật (piano, thanh nhạc, sáng tác nhạc)
	5,616,000	5,440,000	Khoa Nghệ thuật (điện ảnh, nhạc kịch)
Khối ngành Kiến trúc	5,616,000	5,440,000	Kiến trúc, Kiến trúc truyền thống, Thiết kế không gian

■ Hướng dẫn phí kí túc xá

[Đơn vị : \ (KRW)]

Cơ sở	Vị trí	Phân loại	Thời gian	Phí kí túc xá
Seoul	Kí túc xá trong trường	Phòng 4 người	1 học kỳ (16 tuần)	1,038,000 KRW ※ Không bao gồm phần ăn
Yongin	Kí túc xá trong trường	Phòng 4 người	1 học kỳ (16 tuần)	Phòng nam 996,200 KRW ※ Bao gồm 50 phần ăn Phòng nữ 1,085,400 KRW ※ Bao gồm 50 phần ăn

 ※ Xem giới thiệu cơ sở vật chất ký túc xá, xác nhận hình ảnh tại trang chủ: <https://dorm.mju.ac.kr/>

9. Học bổng người nước ngoài

■ Học bổng nhập học mới (chuyên tiếp) _ chỉ cấp 1 lần vào học kỳ đầu

Bảng cấp TOPIK	Nội dung cấp học bổng
Chưa có TOPIK	20% học phí (học bổng sinh hoạt phí)
Đã có TOPIK 3	40% học phí (học bổng người nước ngoài)
Đã có TOPIK 4	60% học phí (40% học bổng người nước ngoài + 20% (học bổng sinh hoạt phí))
Đã có TOPIK 5	70% học phí (40% học bổng người nước ngoài + 30% (học bổng sinh hoạt phí))
Đã có TOPIK 6	80% học phí (40% học bổng người nước ngoài + 40% (học bổng sinh hoạt phí))

※ Trợ cấp dạng sinh hoạt phí: học bổng được cấp sau khi nhập học qua tài khoản ngân hàng / Trợ cấp dạng người nước ngoài: miễn giảm ngay khi đóng học phí như mức quy định ở trên

※ Sinh viên chuyên tiếp từ năm 4 theo các chương trình liên kết đào tạo được cấp học bổng theo tiêu chuẩn học bổng dành cho sinh viên đang theo học. (Đối với sinh viên ngắn hạn, sẽ dựa theo thành tích của học kì cuối)

■ Học bổng cho sinh viên nước ngoài đang theo học _ Từ học kỳ thứ 2

Điểm trung bình học kỳ trước(GPA) 4.5(tối đa)	Nội dung cấp học bổng
2.5 [C+] trở lên	20% học phí (cấp dạng sinh hoạt phí)
3.0 [B] trở lên	40% học phí (cấp dạng người nước ngoài / miễn giảm trước học phí)
3.5 [B+] trở lên TOPIK 4 trở lên (Khối ngành TDDT TOPIK 3)	50% học phí (cấp dạng người nước ngoài / miễn giảm trước học phí)
4.0 [A] trở lên TOPIK 4 trở lên (Khối ngành TDDT TOPIK 3)	100% học phí (cấp dạng người nước ngoài / miễn giảm hoàn toàn)

※ Số tín chỉ tối thiểu để đạt được học bổng: mỗi kỳ từ 12 tín chỉ trở lên

※ Học bổng sẽ không được cấp ở học kỳ nhập học lại sau khi bảo lưu, hoặc học kì phát sinh do chưa tốt nghiệp

※ Đối với trường hợp thành tích học kỳ trước đạt 3.5 trở lên nhưng không có TOPIK, sinh viên chỉ được nhận học bổng theo mức 3.0 trở lên.

■ Học bổng khích lệ thành tích TOPIK cho sinh viên đang theo học _ Từ học kỳ thứ 2

Hạng mục	Nội dung học bổng	Tiền học bổng
Học bổng khích lệ thành tích TOPIK	<input type="checkbox"/> Cấp cho sinh viên mới sau khi nhập học đạt được TOPIK 4 trở lên ※ Thời hạn được cấp: chỉ xét đến học kỳ 1 năm 4 ※ Ngoại trừ sinh viên đạt được cấp TOPIK giống với cấp trước khi nhập học	300,000 KRW

[Đơn vị : \ (KRW)]

■ Học bổng đặc biệt cho sinh viên mới nhập học (chuyên tiếp) _ Chỉ cấp 1 lần vào học kỳ đầu (từ sinh viên chuyên tiếp năm 4)

Hạng mục	Nội dung học bổng	Tiền học bổng
Học bổng đặc biệt dành cho sinh viên đã học tại Myongji	<input type="checkbox"/> Cấp sinh hoạt phí (học bổng) khi nhập học cho sinh viên đã học tiếng hoặc từng là sinh viên trao đổi tại trường Myongji từ 1 học kỳ trở lên	800,000 KRW

[Đơn vị : \ (KRW)]

10. Hạng mục cần lưu ý

Thí sinh cần lưu ý các hạng mục sau

1. Thí sinh phải luôn mang theo thẻ người nước ngoài khi đi thi tiếng Hàn cũng như khi phỏng vấn đầu vào của trường.
2. Sau khi trường công bố danh sách trúng tuyển, trường hợp không đóng học phí đúng thời hạn sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.
3. Kết quả xét tuyển nhập học sẽ không được công khai, hồ sơ và phí đăng ký sẽ không được hoàn trả lại.
4. Thí sinh phải nắm bắt rõ các điều kiện tuyển sinh của trường, đối với trường hợp không nắm bắt rõ thông tin, khi có vấn đề phát sinh thí sinh phải chịu trách nhiệm.
5. Trường sẽ thông báo danh sách trúng tuyển trên trang web của trường, trường hợp không nắm rõ thông tin, khi có vấn đề phát sinh thí sinh phải chịu trách nhiệm (trường không thông báo cho từng cá nhân).
6. Tài liệu hướng dẫn nhập học này dựa trên bảng tiếng Hàn và được dịch qua tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung, trường hợp nếu có sai sót thí sinh tham khảo lại bản tiếng Hàn.

Hướng dẫn học phần

1. Sinh viên nhập học mới phải hoàn thành môn tìm hiểu Kinh thánh (2 tín chỉ) và Môn Giảng đạo (4 học kỳ), sinh viên chuyển tiếp phải hoàn thành môn tìm hiểu Kinh thánh (2 tín chỉ) và Môn Giảng đạo (1 học kỳ).
2. Tất cả sinh viên phải hoàn thành các môn đại cương chung được chỉ định và phải hoàn thành khóa học chương trình chứng nhận đào tạo công nghệ trước đối với các Khoa Công nghệ (trừ khoa công nghệ chất bán dẫn) và chứng nhận đào tạo kinh doanh đối với Khoa Kinh doanh.
3. Ngoài số tín chỉ cần phải đạt được để tốt nghiệp, sinh viên phải có Bằng TOPIK 4 mới được tốt nghiệp. (chỉ sinh viên thuộc Khoa nghệ thuật thể thao thì cần TOPIK 3).

Hủy kết quả trúng tuyển

1. Trường hợp không nộp hồ sơ đầy đủ, gian lận trong thi đầu vào, nộp hồ sơ giả, nếu nhà trường phát hiện sẽ bị buộc thôi học và không được hoàn trả lại tiền học phí.
2. Sinh viên không thể cùng nhập học đồng thời cả 2 trường đại học, chỉ được nhập học tại 1 trường, và buộc phải thôi học một trong hai trường đã đăng kí.
3. Đối với trường hợp chuẩn bị tốt nghiệp nhưng chưa hoàn thành tín chỉ tốt nghiệp trong năm học hiện tại, sẽ không được công nhận tốt nghiệp.
4. Trường hợp những sinh viên đã được trường chấp thuận nhập học nhưng bị Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài từ chối cấp thị thực visa, tư cách nhập học sẽ bị hủy bỏ. Riêng trường hợp bị từ chối cấp visa sau 4 tuần kể từ ngày khai giảng, sinh viên có thể bị xử lý thôi học.



Tel. 02-300-1507 / 1511

Homepage <http://international.mju.ac.kr>

Email admission@mju.ac.kr

Address 서울특별시 서대문구 거북골로 34 명지대학교 행정동 4층 5403호 국제교류지원팀
(03674) Office of International Affairs, Myongji University, 34 Geobukgol-ro, Seodaemun-gu, Seoul, Korea
